**Task 1: Đặc tả usecase lấy thông tin project cụ thể**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case ID** | UC-1 |
| **Use Case Name** | Lấy thông tin project |
| **Description** | Xem các thông tin chi tiết của project đã tạo |
| **Actor (s)** | Người dùng |
| **Pre –Condition(s)** | Có project\_id của project đã tạo |
| **Post –Condition(s)** | Thông tin về project tương ứng với project\_id |
| **Basic flow (s)** | 1. Actor chạy project và truy cập địa chỉ **http://127.0.0.1:5050/swagger** 2. Actor chọn API GET: **/projects/{projectId}** 3. Hệ thống hiển thị thông tin API tương ứng đó 4. Actor chọn **Try it out** 5. Actor nhập **Id** của project vào trường **project\_id** 6. Actor nhấn **Execute** 7. Yêu cầu được gửi tới hệ thống 8. Hệ thống lấy dữ liệu project tương ứng từ CSDL 9. Hệ thống trả về dữ liệu 10. Hiển thị thông tin chi tiết về project tương ứng hoặc không tìm thấy nếu project\_id sai |
| **Alternative Flow(s)** | 6.1. Actor chọn Cancel, hệ thống vô hiệu hoá form, Actor quay lại bước 3 |
| **Exception Flow(s)** | 6.1. Actor chưa nhập **Id** của project ở trường **project\_id**, hệ thống thông báo lỗi, Actor quay lại bước 4 |